

Số: 36/TB-THPTMD

Cẩm Phả, ngày 24 tháng 01 năm 2025

THÔNG BÁO
Về việc công khai tài sản công năm 2024

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Căn cứ tình hình đầu tư, xây dựng, mua sắm, giao, thuê; quản lý, sử dụng; xử lý tài sản; khai thác nguồn lực tài chính.

Trường THPT Mông Dương thông báo công khai tài sản công năm 2024 cụ thể như sau:

1. Nội dung công khai:

a) Công khai tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê tài sản công thực hiện theo Mẫu số 09a-CK/TSC.

b) Công khai tình hình quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp thực hiện theo Mẫu số 09b-CK/TSC.

c) Công khai tình hình quản lý, sử dụng xe ô tô và tài sản cố định khác thực hiện theo Mẫu số 09c-CK/TSC.

d) Công khai tình hình xử lý tài sản công thực hiện theo Mẫu số 09d-CK/TSC.

đ) Công khai tình hình khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công thực hiện theo Mẫu số 09đ-CK/TSC.

2. Hình thức công khai:

- Đăng công thông tin điện tử của nhà trường
- Niêm yết tại bảng công khai.

3. Thời gian công khai:

- Thời gian công khai đối với hình thức niêm yết: Ít nhất 90 ngày kể từ ngày 24/01/2025.

- Thời gian công khai trên công thông tin điện tử tối thiểu là 05 năm.

Nơi nhận:

- Đăng công thông tin
- Cá tổ chuyên môn, văn phòng;
- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Dương Thị Bích Mai

Mẫu số 09b-CK/TSC

DVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích đất là: Mét vuông; Diện tích nhà là: Mét vuông; Giá trị là: Nghìn đồng

Cam Pha ngày 24 tháng 01 năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

[Signature]

Đurque Thị Bích Mai

Bộ, tỉnh: Tỉnh Quảng Ninh

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Giáo dục - Đào tạo tỉnh Quảng Ninh

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường trung học phổ thông Mông Dương

Mã đơn vị: T49022032

Loại hình đơn vị: ĐVSN công tự bảo đảm 1 phần chi thường xuyên

**CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CÓ ĐỊNH KHÁC
NĂM 2024**

DVT cho: Số lượng là: Cái; Giá trị là: Nghìn đồng.

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai			Mục đích sử dụng						
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó								
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(14)	(15)
1	Tài sản cố định khác		120	10.242.127,33	10.242.127,33		4.284.373,41						
1	Máy bơm chữa cháy 2016. 1/1		1	23.578,50	23.578,50				x				
2	Máy quay Sony 2012.1/1		1	18.500,00	18.500,00				x				
3	Phần mềm trắc nghiệm (SGD).2018.1/1		1	34.436,25	34.436,25				x				
4	Điều hòa không khí LG loại tủ đứng 2400BTU 2011.2/2		1	21.818,50	21.818,50				x				
5	Điều hòa không khí LG loại tủ đứng 2400BTU 2011.1/2		1	21.818,50	21.818,50				x				
6	Điều hòa không khí LG loại tủ đứng 2400BTU 2013.1/5		1	25.900,00	25.900,00				x				
7	Bộ bàn ghế tiếp khách 2012.1/1		1	36.400,00	36.400,00				x				
8	Thiết bị thực hành trả lời trắc nghiệm (GV) (SGD) 2019.2/3		1	25.187,46	25.187,46		9.445,30		x				
9	Sa hình tổng thể nhà trường 2015.1/1		1	45.000,00	45.000,00				x				
10	Bảng điện tử 2016.1/1	Trường THPT Mông Dương	1	46.800,00	46.800,00				x				
11	Thiết bị thực hành trả lời trắc nghiệm (GV) (SGD) 2019.3/3		1	25.187,46	25.187,46		9.445,30		x				
12	Bức ngăn phòng kèm bàn làm việc gỗ 2015.1/1		1	34.606,00	34.606,00				x				
13	Camera phục vụ thi.2019.1/1		1	27.450,00	27.450,00		10.293,75		x				
14	Máy camera.2016.1/1	Phòng phó hiệu trưởng 2-THPT Mông Dương	1	33.630,80	33.630,80				x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai						Mục đích sử dụng					
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức năng có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác		
					Trong đó										
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác									
15	Camera 2014.1/1	Trường THPT Mông Dương	1	44.892,50	44.892,50				X						
16	Máy Scan Canon (SGD) 2016.1/1	Phòng văn thư - THPT Mông Dương	1	11.980,00	11.980,00				X						
17	Ti vi Sam sung 2015.1/1		1	15.500,00	15.500,00				X						
18	Máy tính xách tay HP (SGD) 2019.1/4		1	17.590,51	17.590,51				X						
19	Máy tính xách tay HP (SGD) 2019.3/4	Phòng Kế toán - THPT Mông Dương	1	17.590,51	17.590,51				X						
20	Máy tính xách tay 2012.2/2	Phòng thiết bị - THPT Mông Dương	1	12.500,00	12.500,00				X						
21	Máy tính xách tay HP (SGD) 2018.2/4	Phòng thiết bị - THPT Mông Dương	1	17.566,66	17.566,66				X						
22	Máy tính xách tay ASUS.2016.4/4	Phòng thiết bị - THPT Mông Dương	1	11.850,00	11.850,00				X						
23	Máy tính xách tay 2012.1/2		1	19.500,00	19.500,00				X						
24	Máy tính xách tay HP (SGD) 2019.2/4	Phòng Hiệu trưởng - THPT Mông Dương	1	17.590,51	17.590,51				X						
25	Máy tính xách tay HP (SGD) 2019.4/4	Phòng kế toán - THPT Mông Dương	1	17.684,66	17.684,66				X						
26	Máy tính xách tay Dell 2016.2/4	Phòng phó hiệu trưởng - THPT Mông Dương	1	12.200,00	12.200,00				X						
27	Máy tính xách tay ASUS.2016.3/4		1	11.850,00	11.850,00				X						
28	Máy tính xách tay Dell 2016.1/4	Phòng thiết bị - THPT Mông Dương	1	12.200,00	12.200,00				X						
29	Máy tính xách tay HP (SGD) 2018.4/4	Phòng thiết bị - THPT Mông Dương	1	17.659,75	17.659,75				X						
30	Máy tính xách tay HP (SGD) 2018.1/4	Phòng DTN- Trường THPT Mông Dương	1	17.566,66	17.566,66				X						
31	Máy tính xách tay HP (SGD) 2018.3/4	Phòng thiết bị - THPT Mông Dương	1	17.659,75	17.659,75				X						
32	Máy tính để bàn 2014.21/22	Phòng kế toán - THPT Mông Dương	1	12.600,00	12.600,00				X						
33	Máy tính để bàn 2013.22/22	Phòng Hiệu trưởng - THPT Mông Dương	1	13.200,00	13.200,00				X						

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai			Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác
					Trong đó								
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác							
34	Máy tính để bàn (NHCT) 2014.22/22	Phòng phó hiệu trưởng - THPT Mông Dương	1	10.500,00	10.500,00			x					
35	Đệm mút (SGD) 2016.1/2	Phòng thiết bị - THPT Mông Dương	1	16.980,60	16.980,60		3.396,12		x				
36	Thiết bị thực hành trả lời trắc nghiệm dùng cho GV (SGD) 2019.2/3	Phòng thiết bị - THPT Mông Dương	1	25.187,46	25.187,46		12.593,73		x				
37	Thiết bị tạo tiếng đúng và tiếng nổ giả (SGD).2016.1/1	Phòng thiết bị - THPT Mông Dương	1	11.799,90	11.799,90		2.359,98		x				
38	Đệm mút (SGD) 2016.2/2	Phòng thiết bị - THPT Mông Dương	1	16.980,60	16.980,60		3.396,12		x				
39	Máy tập bắn (SGD) 2016.1/1		1	31.699,70	31.699,70		6.339,94		x				
40	Bộ điều khiển trung tâm của giáo viên WICOMEL 2013.1/1	Phòng thiết bị - THPT Mông Dương	1	18.620,00	18.620,00				x				
41	Thiết bị thực hành trả lời trắc nghiệm (GV) (SGD) 2018.2/2	Phòng thiết bị - THPT Mông Dương	1	24.984,86	24.984,86		9.993,95		x				
42	Thiết bị theo dõi đường ngắm (SGD).2016.1/1	Phòng thiết bị - THPT Mông Dương	1	10.299,90	10.299,90		2.059,98		x				
43	Tủ hốt (SGD).2016.1/1	Phòng thực hành hóa sinh-THPT Mông Dương	1	24.441,20	24.441,20		4.888,24		x				
44	Thiết bị thực hành trả lời trắc nghiệm dùng cho GV (SGD) 2019.1/3		1	25.187,46	25.187,46		12.593,73		x				
45	Khung cầu môn bóng đá (SGD) 2016.1/1	Phòng thiết bị - THPT Mông Dương	1	23.652,00	23.652,00		4.730,40		x				
46	Thiết bị thực hành trả lời trắc nghiệm dùng cho GV (SGD) 2019.3/3	Phòng thiết bị - THPT Mông Dương	1	25.187,46	25.187,46		12.593,73		x				
47	Thiết bị thực hành trả lời trắc nghiệm-Dùng cho GV (SGD) 2018.1/2		1	24.984,86	24.984,86		9.993,95		x				
48	Bộ dạy và học ngoại ngữ WICOM IT 2800 2013.1/1	Phòng thiết bị - THPT Mông Dương	1	20.740,00	20.740,00				x				
49	Máy tính xách tay HP 2015.1/1	Hiệu trưởng - THPT Mông Dương	1	18.200,00	18.200,00		7.280,00		x				
50	Máy điều hòa không khí Nagakawa(SGD) 2019.1/1		1	13.642,21	13.642,21		5.115,83		x				
51	Máy tính để bàn (SGD) 2015.3/20	Phòng tin học - THPT Mông Dương	1	10.012,00	10.012,00				x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai			Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác
					Trong đó								
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác							
52	Máy tính để bàn (SGD) 2015.15/20	Phòng tin học - THPT Mông Dương	1	10.012,00	10.012,00				x				
53	Máy tính để bàn (SGD) 2015.19/20	Phòng tin học - THPT Mông Dương	1	10.012,00	10.012,00				x				
54	Máy tính để bàn (SGD) 2015.5/20	Phòng tin học - THPT Mông Dương	1	10.012,00	10.012,00				x				
55	Máy tính để bàn (SGD) 2015.16/20	Phòng tin học - THPT Mông Dương	1	10.012,00	10.012,00				x				
56	Máy tính để bàn (SGD) 2015.2/20	Phòng tin học - THPT Mông Dương	1	10.012,00	10.012,00				x				
57	Máy tính để bàn (SGD) 2015.11/20	Phòng tin học - THPT Mông Dương	1	10.012,00	10.012,00				x				
58	Máy tính để bàn (SGD) 2015.17/20	Phòng tin học - THPT Mông Dương	1	10.012,00	10.012,00				x				
59	Máy tính để bàn (SGD) 2015.9/20	Phòng tin học - THPT Mông Dương	1	10.012,00	10.012,00				x				
60	Máy tính để bàn (SGD) 2015.13/20	Phòng tin học - THPT Mông Dương	1	10.012,00	10.012,00				x				
61	Máy tính để bàn (SGD) 2015.14/20	Phòng tin học - THPT Mông Dương	1	10.012,00	10.012,00				x				
62	Máy tính để bàn (SGD) 2015.6/20	Phòng tin học - THPT Mông Dương	1	10.012,00	10.012,00				x				
63	Máy tính để bàn (SGD) 2015.12/20	Phòng tin học - THPT Mông Dương	1	10.012,00	10.012,00				x				
64	Máy tính để bàn (SGD) 2015.10/20	Phòng tin học - THPT Mông Dương	1	10.012,00	10.012,00				x				
65	Máy tính để bàn (SGD) 2015.8/20	Phòng tin học - THPT Mông Dương	1	10.012,00	10.012,00				x				
66	Máy tính để bàn (SGD) 2015.7/20	Phòng tin học - THPT Mông Dương	1	10.012,00	10.012,00				x				
67	Máy tính để bàn (SGD) 2015.18/20	Phòng tin học - THPT Mông Dương	1	10.012,00	10.012,00				x				
68	Máy tính để bàn (SGD) 2015.1/20	Phòng tin học - THPT Mông Dương	1	10.012,00	10.012,00				x				
69	Máy tính để bàn (SGD) 2015.4/20	Phòng tin học - THPT Mông Dương	1	10.012,00	10.012,00				x				
70	Máy tính để bàn (SGD) 2015.20/20	Phòng tin học - THPT Mông Dương	1	10.012,00	10.012,00				x				
71	Máy phát điện 2010.1/1		1	155.000,00	155.000,00				x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai			Mục đích sử dụng					
				Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó							
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác						
72	Nhà để xe (Giáo viên)	Trường THPT Mông Dương	1	50.386,60	50.386,60		25.193,30		x			
73	Bể nước	Trường THPT Mông Dương	1	204.654,00	204.654,00		173.955,90		x			
74	Rãnh thoát nước, sân bê tông	Trường THPT Mông Dương	1	441.756,00	441.756,00		375.492,60		x			
75	Nhà xe (học sinh) 384m2	Trường THPT Mông Dương	1	283.519,90	283.519,90		99.231,97		x			
76	Cải tạo Sân trường	Trường THPT Mông Dương	1	864.049,00	864.049,00		691.239,20		x			
77	Sân giáo dục thể chất	Trường THPT Mông Dương	1	985.521,00	985.521,00		344.932,35		x			
78	Bể nước khu nội trú	Trường THPT Mông Dương	1	30.819,00	30.819,00		10.940,75		x			
79	Máy photocopy Ricoh Aficio MP2501SP (SGD).2016.2/2	Phòng hội đồng- THPT Mông Dương	1	73.733,00	73.733,00				x			
80	Máy photocopy toshiba E650.2011.1/1	Phòng kho- THPT Mông Dương	1	36.200,00	36.200,00				x			
81	Máy photocopy Ricoh Aficio 2075.2016.1.2	Văn phòng	1	55.000,00	55.000,00				x			
82	Bộ loa máy âm thanh (CMHS)2014.1/1	Phòng hội đồng- Mông Dương	1	48.600,00	48.600,00				x			
83	Loa thùng (SGD) 2018.1/2		1	33.806,25	33.806,25				x			
84	Bộ tạo vang (SGD) 2018.1/1	Phòng loa đài-THPT Mông Dương	1	8.717,34	8.717,34				x			
85	Micro vô tuyến cài đầu (SGD) 2018.1/2	Phòng loa đài-THPT Mông Dương	1	15.255,34	15.255,34				x			
86	Micro vô tuyến cài đầu (SGD) 2018.2/2	Phòng loa đài-THPT Mông Dương	1	15.255,34	15.255,34				x			
87	Tăng âm (SGD) 2018.1/1		1	36.463,98	36.463,98				x			
88	Loa thùng (SGD) 2018.2/2		1	33.806,25	33.806,25				x			
89	Mixer (SGD) 2018.1/1	Phòng loa đài-THPT Mông Dương	1	32.743,16	32.743,16				x			
90	Micro vô tuyến cầm tay (SGD) 2018.1/1	Phòng loa đài-THPT Mông Dương	1	17.147,64	17.147,64				x			
91	Cải tạo nhà hiệu bộ, nhà đa năng, tường rào 2018	Trường THPT Mông Dương	1	992.926,00	992.926,00		397.170,40		x			
92	Cổng trường	Trường THPT Mông Dương	1	123.149,00	123.149,00		86.204,30		x			

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai					Mục đích sử dụng				
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác
					Trong đó								
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác							
93	Trạm biến áp	Trường THPT Mông Dương	1	994.166,76	994.166,76		397.666,70		X				
94	Tường rào	Trường THPT Mông Dương	1	1.053.543,00	1.053.543,00		569.804,80		X				
95	Cải tạo nâng cấp tường rào, sản phẩm Trường THPT Mông Dương 2020 (SGD)	Trường THPT Mông Dương	1	1.519.764,00	1.519.764,00		929.858,40		X				
96	Máy chiếu Optoma PJ 888 (CMHS)2012.1/1	Phòng thiết bị - THPT Mông Dương	1	18.450,00	18.450,00				X				
97	Máy chiếu Projector Optoma 4019 (SGD) 2019.3/4		1	17.684,57	17.684,57				X				
98	Máy chiếu Projector Optoma EX 388 (SGD)2016.1/5	Phòng học số 4 - THPT Mông Dương	1	14.531,00	14.531,00				X				
99	Máy chiếu đa năng Optoma (SGD) 2015.4/8	Phòng thiết bị - THPT Mông Dương	1	13.910,00	13.910,00				X				
100	Máy chiếu Projector Optoma 4019(SGD) 2019.1/4		1	17.684,57	17.684,57				X				
101	Máy chiếu Projector Optoma EX 388(SGD) 2016.3.5	Phòng học 8-THPT Mông Dương	1	14.531,00	14.531,00				X				
102	Máy chiếu Projector Optoma 4019 (SGD) 2019.4/4		1	17.684,57	17.684,57				X				
103	Máy chiếu Sony (Nhật điện)2013.1/1	Phòng thiết bị - THPT Mông Dương	1	18.766,00	18.766,00				X				
104	Máy chiếu đa năng Optoma EX388 (SGD)2015.2/8		1	13.910,00	13.910,00				X				
105	Máy chiếu đa năng Optoma EX 388 (SGD)2015.7/8	Phòng thiết bị - THPT Mông Dương	1	13.910,00	13.910,00				X				
106	Máy chiếu đa năng Optoma EX 388 (SGD)2015.8/8	Phòng thiết bị - THPT Mông Dương	1	13.910,00	13.910,00				X				
107	Máy chiếu Projector Optoma EX388 (SGD) 2016.5/5	Phòng học 10-THPT Mông Dương	1	14.531,00	14.531,00				X				
108	Máy chiếu đa năng Optoma (SGD) 2015.5/8	Phòng thiết bị - THPT Mông Dương	1	13.910,00	13.910,00				X				
109	Máy chiếu đa năng Optoma 4119(SGD) 2020.2/2	Phòng học số 2-THPT Mông Dương	1	17.744,30	17.744,30		3.548,86		X				
110	Máy chiếu đa năng Optoma (SGD) 2015.6/8	Phòng thiết bị - THPT Mông Dương	1	13.910,00	13.910,00				X				
111	Máy chiếu Projector optoma 4019 (SGD) 2019.2/4		1	17.684,57	17.684,57				X				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai			Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác							
112	Máy chiếu Projecter Optoma EX388 (SGD) 2016.2.5	Phòng học 10-THPT Mông Dương	1	14.531,00	14.531,00				x				
113	Máy chiếu đa năng Optoma (SGD) 2015.3/8		1	13.910,00	13.910,00				x				
114	Máy chiếu Projecter Optoma EX 388(SGD) 2016.4/5	Phòng học số 9-THPT Mông Dương	1	14.531,00	14.531,00				x				
115	Máy chiếu đa năng Optoma (SGD) 2015.1/8	Phòng học 11-THPT Mông Dương	1	13.910,00	13.910,00				x				
116	Máy chiếu đa năng 4119 Optoma (SGD) 2020.1/2	Phòng học số 3-THPT Mông Dương	1	17.744,30	17.744,30		3.548,86		x				
117	Máy in siêu tốc Duplo Duprinter (SGD) 2018.1/1		1	140.446,44	140.446,44				x				
118	Máy quay Sony		1	18.500,00	18.500,00				x				
119	Máy ảnh 2012.1/1		1	16.200,00	16.200,00				x				
120	Tivi Samsung 65inch BIDV tài trợ	Phòng hội đồng-THPT Mông Dương	1	11.300,00	11.300,00				x				
	Tổng cộng		120	9.932.630,07	9.932.630,07	0,00	4.235.308,44						

Cẩm Phá, Ngày 24 tháng 01 năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ


Đương Thị Bích Mai